

Bản án số: 160/2018/HS-PT

Ngày 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý.

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 687/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Huỳnh Văn V và Lê Thị Mỹ Trúc G do có kháng cáo của các bị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Văn V; giới tính: nam; sinh năm 1975 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: xã B, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (không); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa (không biết chữ); con ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị G2; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 26/3/2002, bị Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt xử phạt 9 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 34/HSST ngày 26/3/2002 (ngày 07/8/2017, bị cáo mới chấp hành xong đầy đủ các quyết định của bản án vừa nêu).

Tiền sự: (không);

Nhân thân:

- Ngày 02/12/2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 18 tháng (theo Quyết định số 377/QĐ-UB) vì có hành vi uống rượu say, gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 29/8/2007, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng (theo Quyết định số 7366/QĐ-UB) vì có hành vi đánh nhau gây mất trật tự công cộng.

Bắt, tạm giam: 04/3/2017 (có mặt).

Lê Thị Mỹ Trúc G; giới tính: nữ; sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (không); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 10/12; con ông Lê Quốc B (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân T (chết); hoàn cảnh gia đình: chồng tên Vũ Văn M (chết); có 2 con, con lớn sinh năm 1982; con nhỏ sinh năm 1985;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân:

Ngày 16/3/1990, bị Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” (Bản án hình sự sơ thẩm số 45/HSST ngày 16/3/1990);

Ngày 13/01/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2010 (Bản án số 26/2012/HSST ngày 13/01/2012). Bị cáo đang chấp hành án (có mặt).

Người bị hại: Bà **Nguyễn Thị Ánh T1**; sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2010, O (không rõ lai lịch) quen Nguyễn Ánh K gọi điện cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 đề nghị cho ông Huỳnh Chí T2 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, thế chấp bằng căn nhà của ông T2 sở hữu tại Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 điện thoại cho K thì K hứa bảo lãnh và kiểm tra giấy tờ nhà giúp bà T1.

G1 (chưa rõ lai lịch) rủ Huỳnh Văn V đóng giả là Huỳnh Chí T2 để lừa đảo bằng hình thức ký hợp đồng vay tiền, giao giấy tờ sở hữu nhà giả, rồi chiếm đoạt tiền vay. V đưa cho G1 giấy chứng minh nhân dân thật của V. Sáng ngày 02/10/2010, V gặp G1 và Dũng, G1 đưa cho V giấy chứng minh nhân dân giả số 025212424 mang tên Huỳnh Chí T2, sinh năm 1974, hộ khẩu giả Phường H, Quận I và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất ở giả, địa chỉ Phường H, Quận I, TP. Hồ Chí Minh do ông Huỳnh Chí T2 là chủ sở hữu, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất giả tên ông Huỳnh Chí T2.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 02/10/2010, bà Nguyễn Thị Ánh T1 cùng ông Võ Hữu T3 (em họ bà T1) đến Phòng công chứng H gặp Nguyễn Ánh K, ông

Huỳnh Chí T2 (do V đóng giả) và ông Thành (không rõ lai lịch). Do Phòng công chứng H đang đông khách, nên K yêu cầu đến Văn phòng công chứng S để làm thủ tục. Tại đây, Công chứng viên công chứng Hợp đồng vay tài sản với nội dung: ông Võ Hữu T3 (do bà T1 nhờ đứng tên) cho ông Huỳnh Chí T2 vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng, lãi suất 1%/tháng. Sau khi công chứng xong, V (đóng giả ông T2) giao cho ông T3, bà T1 toàn bộ giấy tờ nhà mang tên Huỳnh Chí T2 do G1 đưa cho V, bà T1 giao 60.000.000 đồng cho V. V đưa lại 60.000.000 đồng cho G1, G1 trả công cho V 2.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2010, Nguyễn Ánh K điện thoại đề nghị bà Nguyễn Thị Ánh T1 cho Huỳnh Thúy P vay 60.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn vay 1 tháng, thế chấp căn nhà Phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 10/2010, Dũng (còn gọi là Huy) chở Lê Thị Mỹ Trúc G đến gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) tại lô cao su huyện A (không rõ địa chỉ) để làm giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Huỳnh Thúy P nhưng dán hình của G, lặn vân tay của G.

Ngày 07/10/2010, N (không rõ lai lịch) gọi G đến Phòng công chứng H. Tại đây, G gặp N, Dũng, Phong và bà Nguyễn Thị Ánh T1. Dũng và N giới thiệu G là Huỳnh Thúy P cần vay tiền của bà Nguyễn Thị Ánh T1. Sau đó, Dũng, Phong ra quán cà phê đối diện ngồi chờ. N đưa cho G giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thúy P, sinh năm 1962, hộ khẩu Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh có dán ảnh của G để trình cho Công chứng viên làm hợp đồng vay tiền bà T1. Sau khi công chứng xong, G giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6447/2009 ngày 03/11/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I do bà Huỳnh Thúy P và ông Trần Minh H1 đứng tên sở hữu căn nhà Phường H, Quận I, kèm theo Giấy ủy quyền của ông H1 cho bà P (công chứng tại Phòng công chứng X), bà T1 đưa 60.000.000 đồng cho G, G đưa cho N, N trả công cho G 5.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2010, bà T1 điện thoại cho ông T2, bà O, bà P để nhắc nhở trả nợ nhưng không liên lạc được. Bà T1 và ông T3 tìm hiểu thì biết được các giấy tờ thế chấp vay tiền nêu trên là giả, bà T1 liên lạc với K nhưng K đã bỏ trốn. Ngày 11/8/2011, bà Nguyễn Thị Ánh T1 làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra và giám định dấu vân tay trên Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng vay tiền thu giữ tại phòng Công chứng, xác định là dấu vân tay của Huỳnh Văn V và Lê Thị Mỹ Trúc G.

Tại kết luận giám định số 480/KLGD-TT ngày 05/6/2015, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 0486/2009, đứng tên Huỳnh Chí T2, sinh năm 1974, CMND số 025212424, đề ngày 18/8/2009 là giấy giả.

- "Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất" số 5918, đứng tên chủ tài sản: Huỳnh Chí T2, thửa đất số 114.31R đề ngày 18/9/2009 là giấy giả.

- "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 4647, đứng tên Trần Minh H1, sinh năm 1955 và Huỳnh Thúy P sinh năm 1962 đề ngày 03/11/2009, là giấy giả.

- Dấu vân tay đứng tên "Huỳnh Chí T2" dưới mục "bên B" trên Hợp đồng vay tài sản, số công chứng 012194, bên cho vay: Võ Hữu T3, sinh năm 1983, bên vay: Huỳnh Chí T2, sinh năm 1974 đề ngày công chứng 02/10/2010, được lưu tại Văn phòng công chứng S, không trùng giống với dấu vân tay trên tờ khai chứng minh nhân dân của Huỳnh Chí T2.

- Dấu vân tay đứng tên "Huỳnh Thúy P" dưới mục "bên B" trên "Hợp đồng vay tiền", số công chứng 03309, bên cho vay: Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1972, bên vay: Huỳnh Thúy P, sinh năm 1962 đề ngày công chứng 07/10/2010, được lưu tại Văn phòng công chứng H, không trùng giống với dấu vân tay trên tờ khai chứng minh nhân dân của Huỳnh Thúy P.

Tại Bản kết luận giám định số 836/KLĐT-TT ngày 07/9/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Dấu vân tay ký hiệu "TT" và dấu vân tay ký hiệu "TP" tại mục đề tên Huỳnh Chí T2 trên Hợp đồng vay tài sản, được công chứng ngày 02/10/2010, số công chứng 012194 quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD được lưu tại Văn phòng công chứng S: trùng giống với dấu vân tay ngón "trỏ trái" trên "Chỉ bản" số 024535613 đứng tên Huỳnh Văn V.

- Dấu vân tay ký hiệu "TT" và dấu vân tay ký hiệu "TP" tại mục đề tên Huỳnh Thúy P trên Hợp đồng vay tiền, được công chứng ngày 07/10/2010, số công chứng 033309 quyền số 10/TP/CC- SCC/HĐGD được lưu tại Phòng công chứng H: trùng giống với dấu vân tay " Ngón trỏ trái" trên "Tờ khai chứng minh nhân dân" số 020448099 đứng tên Lê Thị Mỹ Trúc G.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh nhận được nhiều đơn tố giác đối với Nguyễn Ánh K và nhóm đối tượng đã làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ... đóng giả chủ sở hữu, làm giả giấy chứng minh nhân dân, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy ủy quyền, các thông báo nộp thuế, lệ phí trước bạ ... để thế chấp vay tiền, vàng của bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị V chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 359/CT-VKS-P3 ngày 11/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Huỳnh Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm e khoản 2 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự); truy tố Lê Thị Mỹ Trúc G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2017/HSST ngày 21/11/2017, Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, khoản 1 Điều 267, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Huỳnh Văn V 4 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 1 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b và p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Lê Thị Mỹ Trúc G 4 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 16 (mười sáu) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2012/HSST ngày 13/01/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính 04/12/2010.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2017, bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/12/2017, bị cáo G có đơn xin rút lại đơn kháng cáo.

Ngày 05/12/2017, bị cáo Huỳnh Văn V có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G tiếp tục xin rút kháng cáo để chấp hành hình phạt theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị:

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo G có đơn rút kháng cáo, tại phiên tòa bị cáo tiếp tục xin rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo G là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Lê Thị Mỹ Trúc G.

Đối với Huỳnh Văn V: Bị cáo V đưa giấy chứng minh nhân của V cho nhóm của K, G làm giả giấy CMND tên Huỳnh Chí T2, V cùng nhóm của K, G đến phòng công chứng sử dụng giấy tờ CMND giả tên Huỳnh Chí T2 cùng các giấy tờ giả khác để vay của bà Nguyễn Thị Ánh T1 60.000.000 đồng. V được

hưởng lợi 2.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo xin xem xét về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, xét nhân thân của bị cáo, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm đối với bị cáo V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G bị xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đến ngày 08/12/2017, bị cáo G có đơn xin rút kháng cáo. Tại phiên tòa, bị cáo G tiếp tục giữ yêu cầu rút kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của bị cáo G là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét phúc thẩm đối với bị cáo G; phần tội danh và hình phạt của Lê Thị Mỹ Trúc G theo bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (điểm e, khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự); 01 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự). Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm nêu trên.

[3] Huỳnh Văn V thực hiện hành vi là ngày 02/10/2010, V, K, G1 và Thành (không rõ lai lịch) V tự nhận tên là Huỳnh Chí T2, sử dụng giấy chứng minh nhân dân tên là Huỳnh Chí T2 mà trước đó V đã đưa chứng minh nhân dân của V cho một người tên G1 làm giả tên Huỳnh Chí T2 (hình của V vẫn giữ lại). Nhóm người của K (chưa điều tra lai lịch được) cùng V đến phòng công chứng, V đóng giả là Huỳnh Chí T2 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả nêu trên và các giấy tờ về nhà đất, sổ hộ khẩu giả ghi tên Huỳnh Chí T2, đưa các giấy tờ giả này cho bà T1 để làm hợp đồng vay của bà Nguyễn Thị Ánh T1 60.000.000 đồng; Huỳnh Văn V giúp sức cho nhóm của K chiếm đoạt tiền của bà T1, V được chia 2.000.000 đồng (V khai mới nhận 1.500.000 đồng). Sau khi phạm tội, Huỳnh Văn V bỏ trốn.

[4] Như vậy, hành vi của V đã đưa giấy chứng minh nhân dân của V cho nhóm của G1 làm giả Chứng minh nhân dân tên Huỳnh Chí T2, bản thân V nhận đóng vai là người có tên Huỳnh Chí T2, sử dụng giấy tờ giả (CMND cùng các

giấy tờ giả về nhà đất, hộ khẩu có tên Huỳnh Chí T2) để giúp sức cho nhóm người của K, G1 (chưa điều tra được) làm giấy tờ giả và lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà T1, các hành vi của V đã cấu thành hai tội độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nhân thân của bị cáo V có tiền án, thuộc trường hợp tái phạm, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (điểm c, khoản 2 Điều 139 và khoản 1, Điều 267 Bộ luật Hình sự) là có căn cứ, đúng pháp luật, không nặng. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Văn V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G;

Phản tội danh và hình phạt của bị cáo Lê Thị Mỹ Trúc G theo Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn V; y án sơ thẩm;

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 139; khoản 1 Điều 267; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự (năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt:

Huỳnh Văn V, 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Huỳnh Văn V phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Văn V theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Huỳnh Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam Chí Hòa (1);
- Bị cáo (Trại tạm giam Chí Hòa tổng đạt cho bị cáo) (2);
- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo (thay cho việc thông báo bằng văn bản) (2);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 16.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

HUỲNH SÁNG